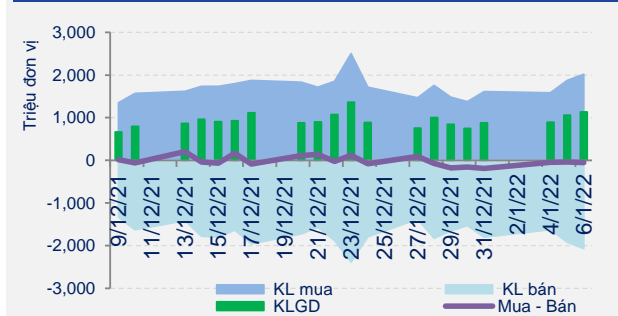
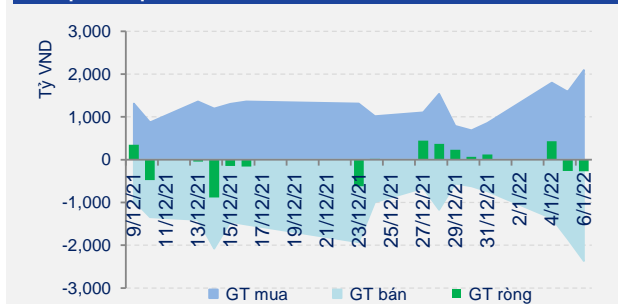


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,528.57	484.89
% Thay đổi	↑ 0.40%	↑ 0.94%
KLGD (CP)	1,133,722,770	143,700,826
GTGD (tỷ đồng)	35,394.17	4,020.60
Tổng cung (CP)	2,068,412,300	196,663,900
Tổng cầu (CP)	2,015,385,200	188,176,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	48,093,170	340,501
KL mua (CP)	43,763,300	902,460
GT mua (tỷ đồng)	2,095.12	21.44
GT bán (tỷ đồng)	2,367.82	8.42
GT ròng (tỷ đồng)	(272.70)	13.02

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.36%	23.9	3.7	1.2%
Công nghiệp	↑ 0.98%	25.3	3.3	18.6%
Dầu khí	↓ -0.22%	20.0	2.1	1.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.01%	-	10.2	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.88%	17.7	2.8	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.61%	23.7	4.1	9.5%
Ngân hàng	↑ 0.01%	12.2	2.4	15.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.41%	11.4	2.7	11.4%
Tài chính	↑ 1.81%	22.4	3.9	35.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.76%	17.4	2.8	2.6%
VN - Index	↑ 0.40%	18.0	3.3	
HNX - Index	↑ 0.94%	26.3	5.4	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm nhẹ vào đầu phiên sáng, nhưng sau đó lực cầu xuất hiện giúp thị trường tăng trở lại và tăng mạnh trong nửa đầu phiên chiều, nhưng áp lực bán gia tăng sau đó khiến mức tăng bị thu hẹp nhưng cuối phiên vẫn giữ sắc xanh nhờ nhóm cổ phiếu họ nhà Vin tiếp tục bứt phá, với VRE (+6,9%) tăng trần, VHM (+1,5%) và VIC (+4,5%) tăng mạnh đã đóng góp tới 7,481 điểm vào mức tăng của VN-Index. VN-Index đóng cửa tăng 6,07 điểm (+0,4%) lên 1.528,57 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 261 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 227 mã giảm. HNX-Index tăng 4,53 điểm (+0,94%) lên 484,89 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là trung tính với 131 mã tăng, 44 mã tham chiếu, 132 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.226 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 36.663 tỷ đồng. Trong nhóm cổ phiếu Bluechips, ngoài sự tích cực của nhóm cổ phiếu họ nhà VIN thì sự phân hóa diễn ra khá mạnh với việc có nhiều cổ phiếu ngân hàng giảm giá như TCB (-1,2%), VPB (-1%), CTG (-2,2%), MBB (-1,2%), MSB (-0,2%), LPB (-2,3%), cổ phiếu MSN có phiên giảm mạnh thứ 2 liên tiếp với mức giảm 4,5%. Cổ phiếu chứng khoán phần lớn đều kết phiên trong sắc đỏ như SSI (-1,7%), VND (-1,1%), SHS (-2,3%), VIX (-1,2%), VCI (-1,5%), HCM (-1,7%)..... Ở chiều ngược lại, dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào nhóm bất động sản, xây dựng giúp nhiều mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như ITA (+6,9%), DXG (+6,9%), SCR (+7%), KHG (+6,9%), BCM (+7%), CTD (+7%), MBG (+9,9%), HAR (+6,9%), QCG (+6,7%), VPH (+6,7%).... Nhóm FLC cũng có diễn biến tích cực khi hầu hết đều tăng mạnh, thậm chí HAI (+7%), KLF (+9,3%), AMD (+6,9%) còn tăng trần.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+0,4%) tiếp tục tiến vào vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm trong phiên hôm nay. Lực cầu mua lên là khá tốt nhưng áp lực bán tại vùng này cũng tương đối lớn khiến cho chỉ số thu hẹp mức tăng và kết phiên dưới ngưỡng kháng cự 1.530 điểm, thanh khoản khớp lệnh cũng gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng tăng của VN-Index vẫn được duy trì và dự báo phiên giao dịch cuối tuần 7/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục thử thách vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm với những rung lắc trong phiên. Nhà đầu tư nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12/2021 đã chốt lời một phần danh mục trong phiên 4/1/2022 để đưa tỷ trọng về mức cân bằng có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/1/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.518,18 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến phiên chiều, với mức cao nhất trong phiên tại 1.536,24 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,07 điểm (+0,4%) lên 1.528,57 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 4.500 đồng, VHM tăng 1.300 đồng, VRE tăng 2.300 đồng. Ở chiều ngược lại, MSN giảm 7.200 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 487,35 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,53 điểm (+0,94%) lên 484,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 3.300 đồng, KSF tăng 7.900 đồng, L14 tăng 30.600 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS giảm 1.200 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 270,41 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,2 triệu đơn vị. MSN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 121,9 tỷ đồng tương ứng với 779 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 105,8 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 117,2 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 12,97 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 562 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,9 tỷ đồng tương ứng với 313,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là MBG với 6,1 tỷ đồng tương ứng với 357 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 29,7 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là tương đối tốt và dòng tiền đang có dấu hiệu quay trở lại thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng điểm (+0,4%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index tiếp tục được củng cố và khả năng tiếp tục đi lên là hoàn toàn có thể diễn ra với mục tiêu tiếp theo của VN-Index là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 7/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Kế hoạch triển khai RCEP

Bộ Công Thương là đầu mối cung cấp thông tin, hướng dẫn, làm rõ các nội dung cam kết của hiệp định. Việc RCEP có hiệu lực từ tháng 1/2022 sẽ góp phần đa phương hóa các hiệp định thương mại tự do mà ASEAN đã ký kết với từng nước đối tác trước đây.



## TIN TRONG NƯỚC

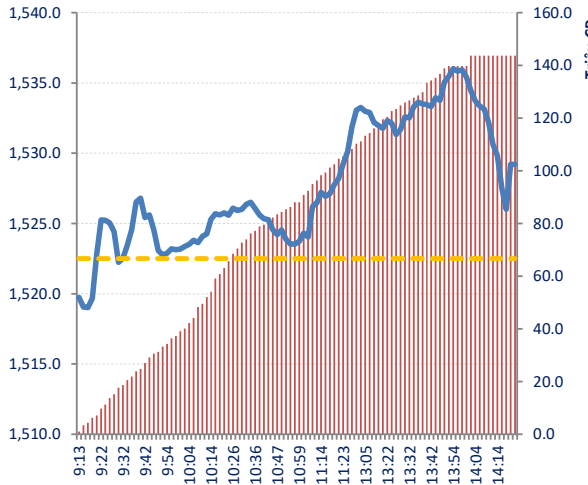
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,8 - 61,4 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 9 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 6/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.128 VND/USD, giảm 9 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

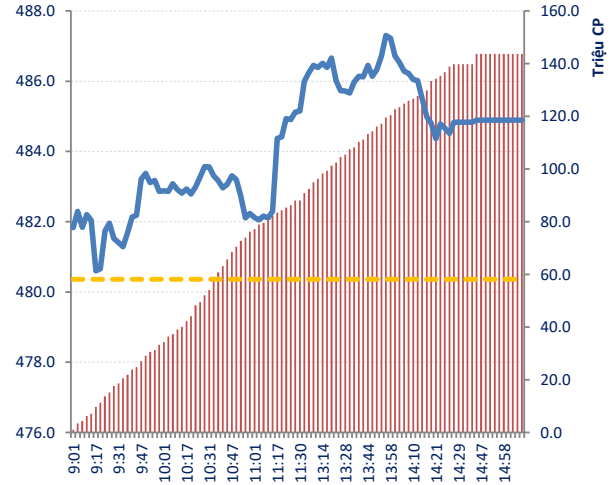
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 30,3 USD/ounce tương ứng với 1,66% xuống 1.794,75 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,053 điểm tương ứng 0,05% lên 96,227 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1307 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3514 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,7 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,18 USD/thùng tương ứng với 0,23% lên 78,02 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 5/1, Dow Jones giảm 392,54 điểm tương đương 1,07% xuống 36.407,11 điểm. Nasdaq giảm 522,54 điểm tương đương 3,34% xuống 15.100,17 điểm. Nasdaq Composite giảm 92,96 điểm tương đương 1,94% xuống 4.700,58 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

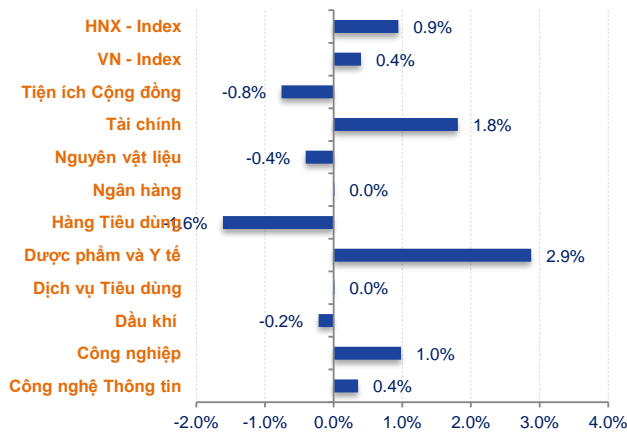
KLGD và VN-Index trong phiên



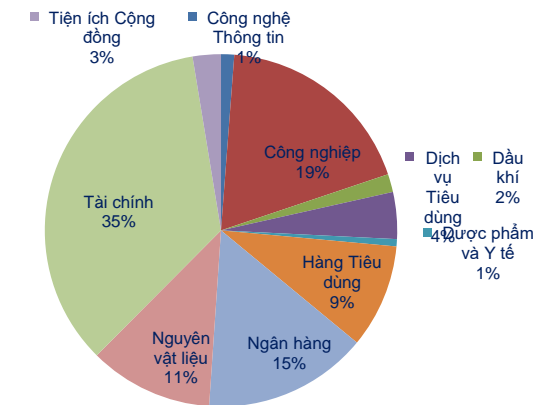
KLGD và HNX-Index trong phiên



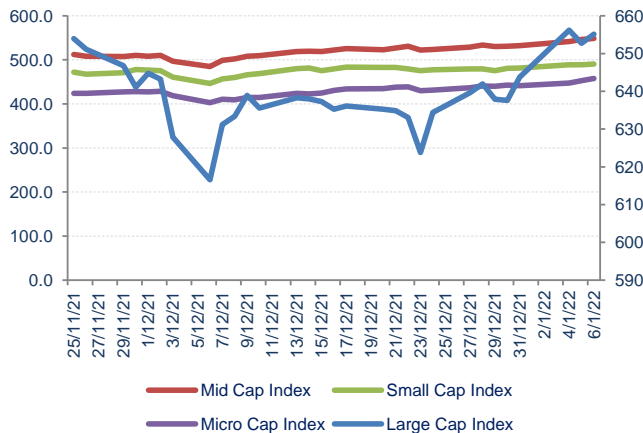
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



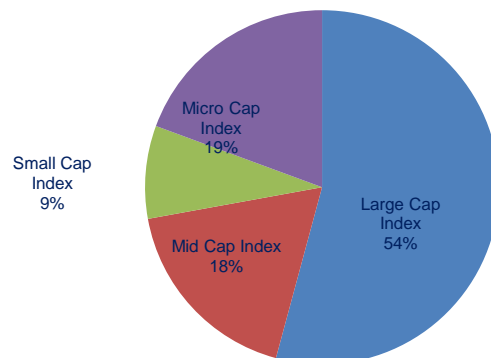
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	1,677,400	CTG	1,971,700
2	DXG	1,637,700	VRE	1,435,500
3	VHM	1,375,000	VNM	1,236,100
4	LPB	1,138,400	HSG	943,900
5	FUESSVFL	935,000	MSN	779,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBG	357,200	PVG	49,900
2	PVS	313,500	KLF	42,900
3	PVI	32,400	SPI	32,700
4	GIC	25,000	CEO	29,700
5	SD9	24,100	PV2	16,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	20.00	21.10	↑ 5.50%	40,666,000
STB	32.55	32.70	↑ 0.46%	38,914,770
ROS	14.90	15.20	↑ 2.01%	37,421,700
GEX	43.45	46.45	↑ 6.90%	37,366,500
ITA	17.35	18.55	↑ 6.92%	32,537,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	8.60	9.40	↑ 9.30%	19,274,334
CEO	85.60	86.40	↑ 0.93%	8,924,730
PVS	28.20	28.30	↑ 0.35%	8,257,813
ART	16.70	17.00	↑ 1.80%	7,318,939
SHS	52.20	51.00	↓ -2.30%	5,833,880

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	25.00	26.75	1.75	↑ 7.00%
SCR	22.15	23.70	1.55	↑ 7.00%
PHR	73.00	78.10	5.10	↑ 6.99%
CTD	106.00	113.40	7.40	↑ 6.98%
VFG	58.90	63.00	4.10	↑ 6.96%

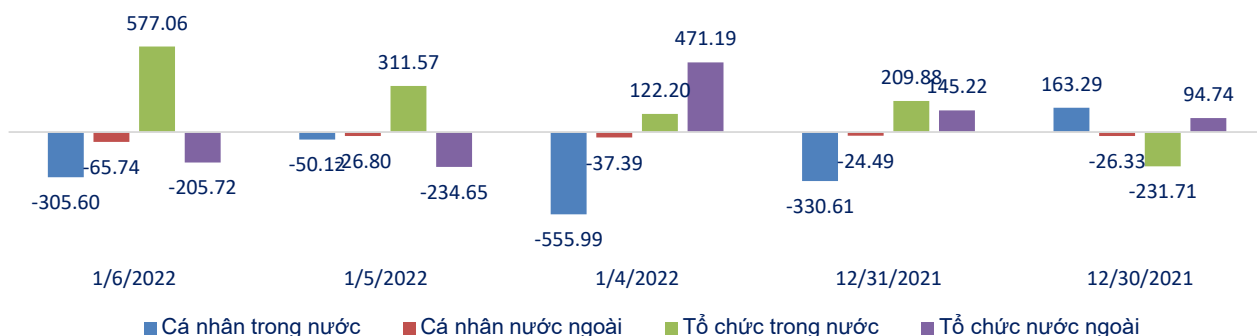
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CET	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
BKC	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
DTD	50.10	55.10	5.00	↑ 9.98%
L14	306.90	337.50	30.60	↑ 9.97%
MBG	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	112.90	105.00	-7.90	↓ -7.00%
FRT	94.00	87.50	-6.50	↓ -6.91%
SFC	26.20	24.45	-1.75	↓ -6.68%
PTC	44.40	41.50	-2.90	↓ -6.53%
LCM	11.00	10.30	-0.70	↓ -6.36%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMS	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
GDW	24.00	21.70	-2.30	↓ -9.58%
CMS	34.30	31.40	-2.90	↓ -8.45%
VC2	66.00	61.00	-5.00	↓ -7.58%
ALT	21.00	19.50	-1.50	↓ -7.14%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	140.14	31.0%	5,037	17.0	5.3
MSN	82.22	8.4%	2,032	75.7	5.6
NVL	61.88	7.9%	1,577	55.9	4.2
CII	61.49	0.5%	177	306.8	1.7
CTG	56.94	18.1%	3,439	9.9	1.7

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-193.07	38.3%	8,968	9.5	3.1
KBC	-154.25	6.0%	1,509	40.9	2.3
DXG	-74.69	7.5%	1,406	27.1	1.7
DIG	-50.18	13.1%	1,495	73.2	8.3
MWG	-47.92	24.6%	6,071	22.6	5.2

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	8.59	11.1%	1,864	17.5	1.8
HDC	6.74	26.2%	3,957	26.0	6.4
HPG	3.80	44.7%	7,085	6.5	2.4
FRT	3.32	8.9%	1,446	60.5	5.1
DBC	2.68	21.6%	8,515	8.7	1.8

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	-38.48	12.0%	2,555	21.7	2.6
CII	-11.21	0.5%	177	306.8	1.7
NLG	-6.89	13.6%	4,156	15.5	1.9
SSI	-5.78	16.5%	2,027	25.6	3.8
VND	-5.60	19.6%	2,148	37.8	4.1

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	75.85	38.3%	8,968	9.5	3.1
KBC	52.08	6.0%	1,509	40.9	2.3
DIG	48.44	13.1%	1,495	73.2	8.3
MWG	47.92	24.6%	6,071	22.6	5.2
TCB	42.02	21.3%	4,965	10.1	2.0

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-34.35	31.0%	5,037	17.0	5.3
FUESSVFL	-30.10	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	-26.46	44.7%	7,085	6.5	2.4
CII	-19.75	0.5%	177	306.8	1.7
SJS	-15.98	2.5%	485	166.7	4.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	115.05	38.3%	8,968	9.5	3.1
KBC	104.16	6.0%	1,509	40.9	2.3
DXG	61.07	7.5%	1,406	27.1	1.7
BCM	53.51	10.6%	1,702	41.5	4.5
KDH	38.40	13.4%	1,886	30.1	3.7

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-124.21	8.4%	2,032	75.7	5.6
VNM	-106.60	31.0%	5,037	17.0	5.3
VIC	-74.60	2.9%	1,111	94.1	2.4
CTG	-68.39	18.1%	3,439	9.9	1.7
NVL	-61.74	7.9%	1,577	55.9	4.2



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	40,666,000	13.1%	1,967	10.7	1.5
STB	38,914,770	3250.0%	1,864	17.5	1.8
ROS	37,421,700	3.1%	324	46.9	1.4
GEX	37,366,500	8.6%	1,754	26.5	2.0
ITA	32,537,100	1.5%	174	106.9	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	19,274,334	0.1%	6	1,546.8	0.9
CEO	8,924,730	-4.7%	(606)	-	6.9
PVS	8,257,813	4.6%	1,238	22.9	1.0
ART	7,318,939	0.3%	32	537.8	1.5
SHS	5,833,880	25.5%	3,061	16.7	2.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 7.0%	11.0%	1,230	21.7	2.3
SCR	↑ 7.0%	5.5%	740	32.0	1.7
PHR	↑ 7.0%	21.0%	5,034	15.5	3.2
CTD	↑ 7.0%	2.2%	2,426	46.7	1.0
VFG	↑ 7.0%	18.0%	5,476	11.5	2.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CET	↑ 10.0%	2.5%	269	36.8	0.9
BKC	↑ 10.0%	-39.3%	(3,749)	-	1.4
DTD	↑ 10.0%	17.0%	4,016	13.7	2.2
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	169.8	20.5
MBG	↑ 9.9%	4.0%	422	41.9	1.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	1,677,400	6.0%	1,509	40.9	2.3
DXG	1,637,700	7.5%	1,406	27.1	1.7
VHM	1,375,000	38.3%	8,968	9.5	3.1
LPB	1,138,400	17.7%	2,240	9.7	1.6
UESSVF	935,000	N/A	N/A	N/A	N/A

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	357,200	4.0%	422	41.9	1.7
PVS	313,500	4.6%	1,238	22.9	1.0
PVI	32,400	13.2%	4,298	11.3	1.6
GIC	25,000	13.9%	2,655	8.7	1.2
SD9	24,100	0.9%	211	66.0	0.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	397,645	2.9%	1,111	94.1	2.4
VCB	374,343	20.4%	4,464	17.7	3.4
VHM	371,428	38.3%	8,968	9.5	3.1
HPG	206,202	44.7%	7,085	6.5	2.4
GAS	198,477	16.9%	4,384	23.7	4.0

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	92,820	25.2%	4,694	56.5	16.1
KSF	26,250	8.8%	751	116.5	4.4
CEO	22,234	-4.7%	(606)	-	6.9
IDC	21,300	11.8%	1,805	39.3	4.5
VCS	18,720	41.5%	11,163	10.5	4.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.58	0.5%	51	244.5	1.2
IDI	3.49	2.7%	363	43.2	1.2
HAI	3.23	0.7%	87	106.2	0.8
ABS	2.92	6.5%	759	37.3	2.5
NTL	2.74	24.8%	4,877	8.3	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.16	3.3%	243	108.1	3.6
TTL	2.83	2.3%	324	51.2	1.1
L14	2.62	13.6%	1,987	169.8	20.5
PSW	2.56	21.5%	2,611	8.0	1.6
APS	2.51	22.8%	1,608	22.3	3.0



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---